THỐNG KÊ PHÂN LUỒNG HỌC SINH SAU TỐT NGHIỆP THCS NĂM 2022

(Kèm theo Công văn số 1240 /UBND-GD&ĐT ngày 02 tháng 08 năm 2022 của UBND huyện)

Số liệu tính đến ngày 25/7/2022

TT	Đơn vị trường	Tổng số học sinh tốt nghiệp	Số trúng tuyển vào THPT								Nộp hồ sơ tại GDNN&GDTX		Nộp HS tại CĐLC		TS học THPT và ĐK học GDTX, học nghề		Chỉ tiêu giao	Tăng, giảm so với chỉ tiêu giao	Đã dự thi nhưng không trúng tuyển	HS không trúng tuyển có NV tiếp tục học THPT	Dự kiến Học nghề ngắn hạn, lao động tại các địa phương	
			Tổng số học THPT		Chia ra																	
			Tổng số	Tỷ lệ	Chuyên	THPT số 1 BH	THPT số 2 BH	Nội trú huyện	Nội trú tỉnh	THPT khác	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ					Số lượng	Tỷ lệ
1	THCS Thị Trấn	110	108	98.2	9	95	1			3		0.0		0.0	108	98.2	100.0	-1.8			2	1.8
2	THCS Tà Chải	46	26	56.5		25		1			11	23.9	9	19.6	46	100.0	100.0	0.0			0	0.0
3	THCS Na Hối	39	38	97.4		38						0.0		0.0	38	97.4	100.0	-2.6			1	2.6
4	THCS Bảo Nhai	110	91	82.7	1	0	89	1				0.0		0.0	91	82.7	100.0	-17.3	6	4	19	17.3
5	PTDTTB THCS Bản Phố	57	44	77.2		37		5	2			0.0	1	1.8	45	78.9	82.5	-3.6	6	5	12	21.1
6	PTDTBT THCS Nậm Đét	33	11	33.3		6	5				3	9.1	7	21.2	21	63.6	81.8	-18.2	4	3	12	36.4
7	PTDTBT THCS Lùng Phình	65	25	38.5		20		2	3		25	38.5		0.0	50	76.9	80.0	-3.1			15	23.1
8	PTDTBT THCS Cốc Lầu	50	26	52.0		0	25	1				0.0		0.0	26	52.0	80.0	-28.0			24	48.0
9	PTDTBT THCS Cốc Ly 1	52	24	46.2		12	9	1	2		9	17.3	3	5.8	36	69.2	78.8	-9.6	3	2	16	30.8
10	PTDTBT THCS Cốc Ly 2	56	18	32.1		16		2			9	16.1	5	8.9	32	57.1	78.6	-21.5	14	10	24	42.9
11	PTDTBT THCS Nậm Mòn	55	19	34.5		18		1			9	16.4	5	9.1	33	60.0	81.8	-21.8	9	8	22	40.0
12	PTDTBT THCS Thải Giàng Phố	78	57	73.1		44		6	7		7	9.0		0.0	64	82.1	78.2	3.9	8	5	14	17.9
13	PTDTBT THCS Nậm Lúc	65	34	52.3		11	18	5				0.0		0.0	34	52.3	80.0	-27.7	1	1	31	47.7
14	PTDTBT THCS Tả Văn Chư	69	42	60.9		38		3	1		8	11.6		0.0	50	72.5	80.0	-7.5	2	2	19	27.5
15	PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	85	46	54.1		36		3	6	1	5	5.9		0.0	51	60.0	80.0	-20.0	3	2	34	40.0
16	PTDTBT THCS Lùng Cải	57	25	43.9		22		1	1	1	11	19.3		0.0	36	63.2	80.7	-17.5	1	1	21	36.8
17	PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	31	16	51.6		12		3	1			0.0		0.0	16	51.6	80.6	-29.0	2	2	15	48.4
18	PTDTBT TH&THCS Tả Củ Tỷ 2	29	16	55.2		14		2				0.0		0.0	16	55.2	82.8	-27.6	6	3	13	44.8
19	PTDTBT TH&THCS Bản Cái	28	18	64.3		0	14	4			2	7.1		0.0	20	71.4	78.6	-7.2	2	2	8	28.6
20	PTDTBT TH&THCS Tả Củ Tỷ 1	45	18	40.0		15		2	1		9	20.0		0.0	27	60.0	80.0	-20.0	5	3	18	40.0
21	PTDTBT TH&THCS Bản Liền	54	19	35.2		16		2	1		19	35.2	2	3.7	40	74.1	81.5	-7.4	2	2	14	25.9
22	PTDTNT THCS&THPT	70	70	100.0	1	25	7	25	11	1		0.0		0.0	70	100.0	100.0	0.0			0	0.0
Tổng toàn huyện		**1284**	**791**	**61.6**	**11**	**500**	**168**	**70**	**36**	**6**	**127**	**9.9**	**32**	**2.5**	950	**74.0**	**86.0**	**-12.0**	**74**	**55**	**334**	**26.0**

Ghi chú: Tổng số 74 học sinh không trúng tuyển, trong đó: có 59 học sinh không đủ điểm trúng tuyển; 15 học sinh không đủ điều kiện tham gia xét